

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: KDC Đ, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: KDC H, phường V, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày: Chị N và anh Nguyễn Văn T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã V (nay là phường V) ngày 30/01/2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị N về nhà anh T tại KDC H chung sống. Quá trình chung

sống vợ chồng thường xuyên có những bất đồng trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, anh T thường xuyên rượu chè không lo lắng cho gia đình, vợ con; được gia đình và bạn bè hòa giải nên chị vẫn cố gắng duy trì quan hệ vợ chồng nhưng đỉnh điểm là tháng 6/2012 chị đã bỏ về nhà đẻ tại khu Đ, phường C sống ly thân đến nay. Quá trình sống ly thân thì chị vẫn bị anh T đến nhà đánh đập, chia tách tình cảm mẹ con chị. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009, hiện cháu N1 đang ở với anh T và gia đình bên nội. Khi ly hôn nguyện vọng của chị N cũng muốn được nuôi dưỡng con chung nhưng còn tùy quan điểm của anh T và nguyện vọng của cháu N1.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có xây dựng 01 nhà và công trình phụ trên đất của bố mẹ chồng nhưng chị giao lại cho anh T và con toàn quyền sở hữu, sử dụng, không có tranh chấp gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên chị N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc, có quan điểm và ý kiến đối với vụ án cho Tòa án khi Tòa án ghi lời khai nhưng không ký biên bản nên Tòa án đã lập biên bản theo quy định thể hiện: Anh T và chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã V (nay là phường V) ngày 30/01/2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị N về nhà anh T tại KDC H chung sống. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2012 thì chị N tự ý dọn đồ và chuyển đi nơi khác sống không rõ lý do (lý do là có hình ảnh đi theo trai- hình ảnh này anh đã nộp cho Tòa án khi chị N làm thủ tục ly hôn năm 2014), sống ly thân từ đó đến nay và chị N không có trách nhiệm với chồng con và gia đình. Nay chị N xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng yêu cầu chị N đến nhà gặp gỡ nói rõ đầu đuôi với anh và gia đình anh thì anh mới đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009, hiện cháu N1 đang ở với anh T và gia đình bên nội từ khi sinh ra và khi chị N bỏ đi năm 2012 đến nay. Nếu ly hôn anh T xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

chung vì thực tế con ở với anh từ năm 2012 đến nay và chị N bỏ đi không lo lắng gì. Về tài sản, vay nợ, công sức không yêu cầu giải quyết vì thực tế anh và con đang ở nhờ trên nhà đất của bố mẹ đẻ anh. Khi Tòa án hòa giải, xét xử anh xin vắng mặt vì công việc bận.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T, mẹ chồng chị Dương Thị N) cung cấp: Anh T và chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã V (nay là phường V) năm 2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị N về nhà anh T tại KDC H chung sống. Đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và chị N dọn đồ về nhà đẻ ở C sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình chung sống bà thấy chị N là người không có trách nhiệm với chồng con, gia đình. Năm 2014 chị N đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Việc ly hôn là quyền của chị N và anh T; Vợ chồng chị N anh T có 01 con chung là Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009, hiện cháu N1 đang ở với anh T và gia đình bên nội từ khi sinh ra và khi chị N bỏ đi năm 2012 đến nay; Về tài sản anh T chị N có gì bà không biết còn nhà đất hiện nay là của vợ chồng bà, anh T và cháu N1 vẫn đang sống nhờ; Bà được biết Tòa án có thông báo triệu tập cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc vì bận công việc, bà đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương theo đơn của chị N và vắng mặt anh T.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2023 của cháu Nguyễn Hải N1, thể hiện: Cháu là Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009, hiện nay cháu đã học xong lớp 8A Trường THCS V, thành phố Chí Linh. Cháu là con của bố Nguyễn Văn T và mẹ là Dương Thị N. Hiện nay cháu đang ở với bố và gia đình nhà nội tại KDC H, phường V, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không sống chung cùng nhau thì nguyện vọng của cháu muốn ở với bố và ông bà nội. Nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Dương Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ủy quyền nhận các văn bản cho chị Phạm Thị T1.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến

hành tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con không ai được cản trở; Về tài sản, công sức, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Dương Thị N chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu dân cư H, phường V, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn chị Dương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã V (nay là phường V)

năm 2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2008, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến chị N đã chuyển về nhà để ở sống ly thân đến nay. Năm 2012 các bên đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó chị N đã rút đơn. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T tuy vẫn duy trì về mặt pháp lý nhưng thực tế không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Xác định cháu Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009 là con chung của chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn T, hiện cháu N1 đang sống ổn định cùng anh T và gia đình bên nội. Khi ly hôn chị N đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Hải N1 có nguyện vọng muốn ở cùng anh T và gia đình bên nội và thực tế đã và đang ở từ năm 2012 đến nay. Vì vậy, cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238,

Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải N1- sinh ngày 13/6/2009 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003772, ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Văn An (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách